

Hiếu hạnh trong ánh sáng Duyên khởi và Vô ngã

ISSN: 2734-9195 09:54 28/08/2026

Hiếu hạnh trong ánh sáng duyên khởi và vô ngã không chỉ hạn hẹp ở sự báo đáp công ơn cha mẹ, mà còn là quá trình chuyển hóa từ tình cảm tri ân cá nhân đến trí tuệ sâu sắc và lòng từ bi rộng lớn.

Hiếu hạnh là một trong những giá trị đạo đức nền tảng của Phật giáo, đồng thời cũng là cơ sở quan trọng để xây dựng đời sống tâm linh.

Trên cơ sở phân tích các văn bản kinh điển Nikāya, A-hàm và một số kinh Đại thừa, bài viết muốn khẳng định hiếu hạnh trong Phật giáo không chỉ là đạo lý báo ân cha mẹ qua phụng dưỡng vật chất mà còn là tiến trình nhận thức bằng trí tuệ vô ngã kết hợp với tâm từ thông qua giáo lý duyên khởi để chuyển hóa chấp ngã và phát triển tâm từ.

Qua nghiên cứu từ nền tảng duyên khởi và vô ngã, hiếu hạnh được mở rộng thành lý tưởng đại hiếu trong Bồ-tát đạo, tiến đến khẳng định giá trị đạo đức và giải thoát của giáo lý Phật giáo đối với đời sống đương đại.

Dưới lăng kính triết học Phật giáo, khi toàn bộ thực tại đều vận hành theo quy luật duyên sinh sự báo hiếu chân thật không cốt ở tâm lý chiếm hữu hay ràng buộc tình thân, mà chính là tiến trình chuyển hóa khổ đau, hướng đến an lạc và giải thoát.

Kinh điển Phật giáo cho rằng, dù người con có tận tâm chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ suốt đời cũng khó có thể đền đáp hết ân đức sinh thành. Đức Phật đã nói rõ sự báo đáp rốt ráo chỉ khi giúp cha mẹ tăng trưởng tín, giới, thí và tuệ.

Quan điểm này cho thấy hiếu hạnh trong Phật giáo không chỉ mang ý nghĩa đạo đức xã hội, mà còn gắn liền với con đường tu tập và giải thoát.

Trên cơ sở đó, bài viết sử dụng phương pháp phân tích, đối chiếu với kinh điển Nikāya, A-hàm. Đặc biệt bài viết sử dụng phương pháp phân tích triết học Phật giáo nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa và giá trị thực tiễn của hiếu hạnh trong ánh

sáng duyên khởi và vô ngã.

1. Các khái niệm liên quan

1.1. Khái niệm về hiếu hạnh

Từ điển Hán Nôm: *“Hiếu hạnh là lòng kính yêu đối với cha mẹ...”*^[1].

Trong các Kinh điển Phật giáo, hiếu hạnh trong Phật giáo không chỉ dừng lại ở phạm vi phụng dưỡng vật chất mà còn nhấn mạnh cần phát triển hạnh nguyện cao thượng, khuyến hóa cho cha mẹ hướng về Chánh pháp. Đức Phật khẳng định rằng hiếu hạnh thực thụ là giúp cha mẹ hướng đến sự giải thoát, thay vì chỉ cung cấp thực phẩm, thuốc men, ăn mặc đơn thuần. Cho nên, Ngài dạy: *“...Giúp cho cha mẹ bỏ việc ác làm điều thiện, thọ ba qui y, giữ gìn năm giới, sáng tối phụng thờ Tam bảo. Như vậy mới đúng là báo trọng ân”*^[2].

Chính từ nội hàm này, bài viết giới thiệu hiếu hạnh không chỉ như một chuẩn mực đạo đức mà còn khẳng định tinh thần giác ngộ giải thoát tâm linh cho cha mẹ, qua đó làm sáng tỏ giá trị của hiếu hạnh trong việc hoàn thành lòng tri ân.

1.2 Khái niệm về Duyên khởi, Vô ngã

Duyên khởi là giáo lý cốt lõi, mô tả cách thức mọi hiện tượng sinh ra và hoại diệt theo mối quan hệ nhân quả, được tóm tắt qua công thức: *“Nhân duyên hội hợp là duyên cái này có cái này, đây khởi thì kia khởi, đây không thì kia không, đây diệt thì kia diệt”*^[3]. Đức Phật chỉ rõ mọi pháp đều không tự tính độc lập, để lý giải sự mở rộng của hiếu hạnh từ phạm vi gia đình đến mọi quan hệ của duyên khởi.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Trong từ điển Kim Cương thừa và Tây Tạng học định nghĩa: “*Vô ngã (S: anātman; P: anattā): Khái niệm trọng yếu trong triết lý Phật giáo, đại diện cho sự phủ nhận một bản ngã bất biến và vĩnh cửu trong mọi hiện tượng và con người*”^[4]. Định nghĩa này trình bày thuật ngữ “vô ngã” như là giáo lý phủ nhận sự tồn tại của một “bản ngã” hay “cái tôi” cố định và độc lập. Do vậy, vô ngã đã khẳng định con người chỉ là sự kết hợp duyên sinh của năm uẩn, vì vô minh nên con người chấp thân tâm này là “tôi”, từ đó phát sinh tham ái và khổ đau. Vì vậy, vô ngã là cơ sở lý luận giúp bài viết phân tích sự chuyển hóa từ lòng hiếu mang tính chấp thủ sang lòng từ bi và lý tưởng đại hiếu trên nền tảng vô ngã.

2. Hiếu hạnh trong ánh sáng duyên khởi và vô ngã

2.1. Hiếu hạnh là nền tảng của lòng tri ân

Hiếu hạnh là điểm khởi đầu của đời sống đạo đức và cũng là nền tảng để con người học biết tri ân, báo ân. Từ căn bản này tiến sâu hơn là hướng dẫn bậc sinh thành chuyển sang tu tập. Vì vậy, lòng biết ơn cha mẹ không chỉ là bổn phận, mà còn là bước đầu của sự tu tập và là cửa ngõ đi vào con đường giác ngộ.

Đức Phật dạy trong Kinh Tăng Chi Bộ: “*Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha*”^[5]. Lời dạy này khẳng định công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ là vô cùng sâu nặng, không thể lấy sự phụng dưỡng thông thường mà báo đáp trọn vẹn. Tương tự, Kinh Tăng

Nhất A-hàm cũng dạy: “*Có hai người không thể báo ơn hết được, khuyến giáo làm điều thiện. Hai người đó là ai? Đó là cha mẹ*”^[6]. Như vậy, cha mẹ là người sinh thành thân mạng, là ân nhân đầu tiên dìu dắt con người bước vào nếp sống thiện lành.

Qua hai đoạn kinh trên đều thể hiện ân đức lớn lao của cha mẹ. Cho nên, dù có công cha mẹ trên hai vai suốt một trăm năm, chăm sóc, phụng dưỡng đầy đủ mọi nhu cầu về vật chất như ăn uống, y phục và thuốc men, thì cũng chưa hẳn đã trả hết công ơn sâu nặng ấy. Nhưng nếu biết khuyến hóa cha mẹ quy y Tam bảo, tu tập chính pháp, thì đó mới là hạnh hiếu có ý nghĩa sâu xa hơn và giá trị hơn về mặt tinh thần, bằng sự thực hiện lý tưởng “*tu nhân tích đức*” và hướng đến đời sống thiện lành. Nhận thức được ân nghĩa ấy chính là bước đầu phá vỡ ảo tưởng về một cái “tôi” tồn tại. Vì sao? Khi tu tập giúp các bậc cha mẹ nhận ra các pháp hư dối, tạm bợ, bớt đi sự chấp trước con cháu, tài sản, danh lợi, đồng thời hướng dẫn họ nhận ra tất cả nhân loại đều là quyến thuộc, người ân của mình trong vô thủy kiếp để phát tâm hướng thiện, mở rộng lòng yêu thương, bớt đi lối sống vị kỷ mà thấy rõ vạn pháp vô ngã. Nhờ đó mới được giác ngộ giải thoát, nói cách khác, chính lòng tri ân là cánh cửa rộng mở tâm hồn, làm duyên đưa nhân loại bước vào chân lý.

Cũng như một cây lớn không thể tự mình sinh ra, mà phải nương vào hạt giống, đất, nước, ánh sáng và công chăm sóc của người làm vườn. Con người cũng vậy, sự sống là kết quả của vô số nhân duyên (tinh cha, huyết mẹ...).

Do đó, hiếu hạnh không thuần túy là một bốn phận luân lý xã hội thông thường, mà chính là bước đi đầu tiên của nhận thức, giúp nhận diện mạng lưới nhân duyên để khơi mở lòng tri ân rộng lớn.

2.2. Duyên khởi là thấy rõ mạng lưới ân nghĩa

Từ hiếu hạnh đối với cha mẹ, mở rộng cái nhìn đến toàn thể nhân duyên trong đời sống. Cụ thể, quán duyên khởi giúp người con thấy rằng sự hiện hữu của mình là sự tiếp nối của vô số nhân duyên.

Kinh Tương Ưng, đức Phật dạy: “*Do cái này có mặt, cái kia có mặt, Do cái này sinh, nên cái kia sinh*”^[7]. Đây là nguyên lý duyên khởi, khẳng định rằng mọi sự vật và hiện tượng đều nương nhau mà tồn tại, không có bất cứ pháp nào có thể hiện hữu một cách riêng biệt hay độc lập. Lại nữa, trong Kinh Tăng Nhất A-hàm đức Phật khẳng định: “*Các Tỳ-kheo nên biết, nhân duyên hội hợp mới có thân này*”^[8]. Như vậy, đoạn kinh này cho thấy thân tâm con người là kết quả của nhiều điều kiện hòa hợp mà thành, không phải một thực thể tự sinh hay tự tồn

tại. Sự hiện hữu của mỗi người luôn gắn liền với vô số nhân duyên từ gia đình, xã hội đến môi trường sống.

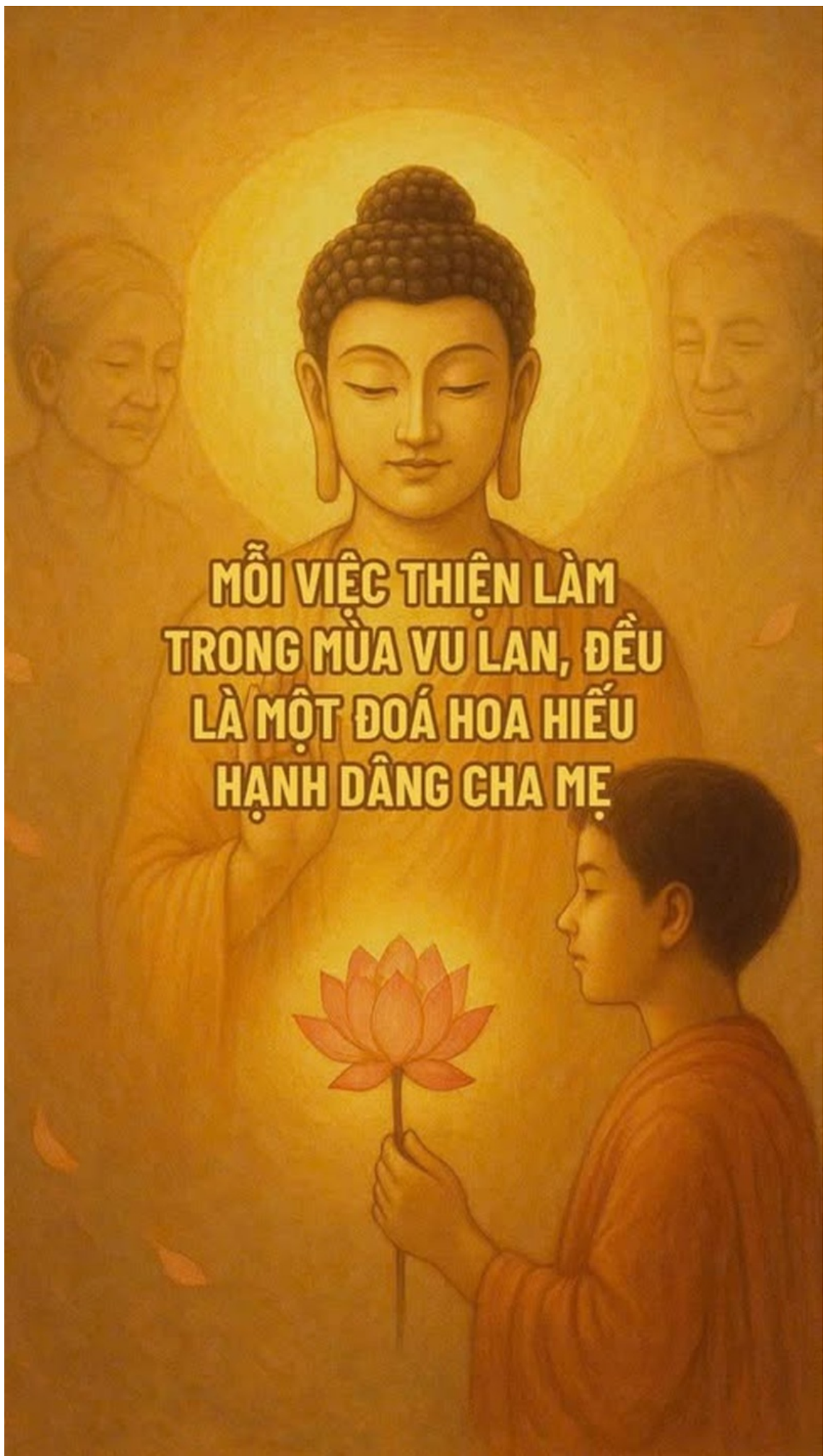
Dưới ánh sáng duyên khởi, cha mẹ là nhân duyên trực tiếp sinh thành và dưỡng dục; thầy cô là nhân duyên trao truyền tri thức, xã hội tạo điều kiện cho học tập, lao động và phát triển; thiên nhiên với đất, nước, không khí và môi trường là những yếu tố thiết yếu duy trì sự sống, ngoài ra, một thẳng duyên không thể thiếu nữa, đó là ánh sáng Phật pháp giúp con người nhận rõ đạo lý duyên sinh, vô ngã. Cho nên, Không có bất kỳ nhân duyên nào tồn tại riêng lẻ, cũng như không có một con người nào có thể hiện hữu tách rời khỏi mạng lưới tương thuộc ấy

Ví như một tấm vải đẹp không thể có nhờ một sợi chỉ, mà do vô số sợi đan kết. Con người cũng vậy được sinh ra và lớn lên từ nhiều nhân duyên.

Vì lẽ đó, duyên khởi đã nâng tâm hiếu hạnh vượt khỏi phạm vi huyết thống chật hẹp, biến lòng tri ân thành sự tỉnh thức, bao dung, thấu rõ vạn vật đều là ân nhân và là suối nguồn nuôi dưỡng sự sống của chính mình.

2.3. Hiếu hạnh giúp chuyển hóa từ tình cảm tư kỷ đến trí tuệ vô ngã

Khi nhận ra vô ngã, hiếu hạnh trở nên thanh tịnh, không còn bị chi phối bởi cái tôi. Nên vô ngã không phủ nhận tình thân, mà giải phóng tình thương khỏi sự chiếm hữu và chấp thủ. Nên Kinh Tương Ưng Bộ, Đức Phật dạy: *“Cần phải như thật quán với chính trí tuệ: ‘Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi’”*^[9]. Kinh Tạp A-hàm cũng nói: *“Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái này là tôi, không phải cái này là của tôi, không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chính tuệ”*^[10].



**MỖI VIỆC THIỀN LÀM
TRONG MÙA VU LAN, ĐỀU
LÀ MỘT ĐOÁ HOA HIẾU
HẠNH DÂNG CHA MẸ**

Hai đoạn kinh trên đều nói về tính vô ngã. Tuy nhiên, Kinh Tạp A-hàm có cách triển khai rộng hơn *“không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai”* nhằm phá chấp một bản ngã trong tương lai. Vì vậy, *“Khi còn chấp “tôi là người báo hiếu”, “cha mẹ là của tôi”, tình thương vẫn có thể đi kèm với sự mong cầu sự đáp lại hay tủi thân vì không được thấu hiểu. Nhưng khi nhận thức vô ngã, người con vẫn chăm sóc cha mẹ, nhưng không còn tâm kể công hay đòi hỏi. Đó là sự chuyển hóa sự chấp ngã thành vô ngã.*

Trường hợp hai người cùng chăm sóc cha mẹ: Một người nghĩ *“Tôi đã hy sinh quá nhiều, cha mẹ phải biết ơn tôi”*. Người kia nghĩ: *“Nhờ cha mẹ mà tôi có mặt trong đời. Hôm nay được chăm sóc cha mẹ là nhân duyên quý báu”*. Hành động giống nhau, nhưng chiều sâu tâm thức hoàn toàn khác.

Như vậy, thấu triệt đạo lý vô ngã không làm mất đi hiếu hạnh, còn làm cho hiếu hạnh trở nên thanh tịnh. Hơn nữa, vô ngã giúp hiếu hạnh vượt khỏi ranh giới cái tôi, mở rộng tâm thức, hành động được giải thoát.

2.4. Từ bi là mở rộng tình thương, vượt khỏi giới hạn huyết thống

Khi được soi sáng bởi trí tuệ duyên khởi và vô ngã, hiếu hạnh không chỉ dừng lại trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, mà được mở rộng thành tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh. Chính sự chuyển hóa này đưa hiếu hạnh từ tình thân hữu hạn đến tình thương vô lượng.

Trong truyền thống Phật giáo, đức Phật dạy luôn xem tất cả chúng sinh trong vòng luân hồi đều có mối quan hệ ân nghĩa sâu xa với mình, như trong Kinh Phạm Võng Bồ-tát giới dạy: *“Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sinh nơi đó. Vì lẽ ấy nên chúng sinh trong lục đạo đều là cha mẹ ta”*^[11]. Vì vậy, lòng tri ân đối với cha mẹ hiện đời không hạn chế ở phạm vi huyết thống, mà còn được chuyển hóa thành tâm từ bi rộng lớn đối với tất cả chúng sinh. Tinh thần ấy tương ứng với lời Đức Phật dạy trong Kinh Tiểu Bộ: *“Mong các loài chúng sinh, sống hạnh phúc an lạc”*^[12]. Và cũng được thể hiện cụ thể qua hạnh nguyện đem lại lợi ích, an lạc cho chúng sinh như trong Kinh Tạp A-hàm: *“Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo nói pháp, khai thị, giáo giới, làm cho lợi ích, làm cho an lạc”*^[13].

Như vậy, nếu tình thương chỉ được xây dựng trên phạm vi tư kỷ *“cha mẹ của tôi”, “người thân của tôi”*, thì tình thương ấy vẫn còn giới hạn trong ngã và ngã sở. Khi tư duy về duyên khởi và vô ngã, nhận ra rằng sự tồn tại của bản thân

luôn nương tựa vào vô số nhân duyên và không tách rời khỏi đời sống của thế gian.

Do đó, hiếu hạnh trong ánh sáng vô ngã mở rộng tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh. Khi thấy mọi sự sống đều nương nhau mà tồn tại, lòng biết ơn được mở rộng thành tình thương đối với mọi người. Đây là sự chuyển biến từ tình thương mang tính sở hữu sang tình thương vô điều kiện, không còn phân biệt giữa tôi và chúng sinh. Ví như một ngọn đèn khi được thắp sáng không hạn chế không gian riêng nào, ánh sáng tự nhiên sẽ lan tỏa đến mọi nơi. Tâm từ bi cũng như vậy, không chỉ chăm sóc riêng cho cha mẹ mình mà đối với tất cả mọi người đều quan tâm giúp đỡ như nhau.

Vì vậy, đỉnh cao của hiếu hạnh trong ánh sáng duyên khởi và vô ngã không phải thu hẹp tình thương trong phạm vi gia đình, mà phải mở rộng lòng tri ân thành tâm từ đối với khắp chúng sinh.

2.5. Bồ-tát hạnh là sự viên mãn của đại hiếu hạnh

Như trên đã nói, Hiếu hạnh theo Phật dạy không phải chỉ báo đáp công ơn cha mẹ hiện đời, mà phải mở rộng thành Bồ-tát hạnh, tức phải yêu thương khắp tất cả chúng sinh. Đây chính là sự hiếu hạnh viên mãn trong ánh sáng của giáo lý duyên khởi và vô ngã. Nên Bồ tát đã phát khởi đại nguyện: *“Chúng sinh vô biên thế nguyện độ”*^[14]. Lời nguyện ấy đã biểu hiện sự mở rộng tình thương từ phạm vi gia đình đến khắp chúng sinh trong pháp giới. Bởi lẽ, dưới ánh sáng duyên khởi, mọi loài đều có mối tương duyên với nhau, hay nói khác hơn, dưới ánh sáng vô ngã, ranh giới giữa “tôi” và “người” dần được chuyển hóa thành hiệp nhất.

Linh hoạt hơn nữa, tinh thần từ bi cứu độ với trí tuệ vô ngã ấy được thể hiện trong Kinh Kim Cang khi đức Phật dạy: *“Đối với tất cả các loại chúng sinh hoặc sinh từ bào thai, hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh nơi ẩm thấp, hoặc do biến hóa sinh ra,...ta đều độ cho nhập vào Vô dư Niết-bàn. Như vậy diệt độ vô số chúng sinh, nhưng thật không có chúng sinh nào được diệt độ”*^[15].

Tuy Bồ-tát độ vô lượng chúng sinh, nhưng không xuất phát từ tâm chấp ngã hay sự phân biệt ban ơn, mà từ trí tuệ thấy rõ tính duyên sinh, vô ngã của mọi pháp. Vì vậy, lòng từ bi của Bồ-tát không bị giới hạn bởi quan hệ huyết thống, mà trải rộng tâm bình đẳng đến tất cả mọi người. Nên trong kinh đã ví hiếu hạnh như một mạch nước nhỏ, ban đầu khởi nguồn từ tình thương đối với cha mẹ. Khi được nuôi dưỡng bằng trí tuệ và lòng từ bi, dòng nước ấy ngày càng rộng lớn, vượt khỏi bờ giới hạn để hòa vào biển cả của đại bi vô lượng. Hoặc có thể thông

qua hình ảnh của Bồ-tát Quán Thế Âm luôn lắng nghe tiếng khổ của tất cả chúng sinh, để tùy duyên hóa độ, đó chính là biểu tượng cho sự viên mãn của đại hiếu hạnh.

Như vậy, Phật giáo không phủ nhận hiếu hạnh đối với cha mẹ, mà xem đó là điểm khởi đầu để phát triển thành đại hiếu. Từ tình thân trong gia đình, mở rộng thành tình thương bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, từ sự báo đáp ân đức của cha mẹ hiện đời, tiến đến lý tưởng cứu giúp vô lượng chúng sinh thoát khỏi khổ đau. Đó chính là sự viên mãn của hiếu hạnh trong tinh thần Bồ-tát đạo.

3. Ý nghĩa triết học

Hiếu hạnh trong Phật giáo là nền tảng của đạo đức, cũng là pháp môn tu tập mang ý nghĩa triết học. Từ việc tri ân cha mẹ, nhận ra bản chất duyên khởi của sự sống, chuyển hóa tâm chấp ngã và mở rộng tình thương đến với tất cả chúng sinh. Vì vậy, hiếu hạnh sẽ góp phần xây dựng đời sống nhân văn và hướng đến giác ngộ.

Thứ nhất, Hiếu hạnh giúp con người nhận thức rằng bản thân không tồn tại tách biệt khỏi gia đình và xã hội. Sự sống của mỗi người luôn gắn liền với công ơn sinh thành, dưỡng dục và sự hỗ trợ của muôn loài. Nhờ đó, con người học được lòng biết ơn, trách nhiệm và ý thức sống hài hòa với cộng đồng.

Thứ hai, Dưới ánh sáng duyên khởi, nhận ra rằng mọi sự vật và hiện tượng đều do nhân duyên hòa hợp. Công ơn cha mẹ là nhân duyên trực tiếp đối với sự hình thành đời sống, nhưng bên cạnh đó còn có vô số nhân duyên khác như thầy cô, xã hội, thiên nhiên và Phật pháp.

Thứ ba, Khi nhận thức sâu sắc về ân nghĩa của cha mẹ và các nhân duyên khác, giúp chúng ta nhận ra rằng tự thân không phải là một thực thể tồn tại độc lập. Cái gọi là “tôi” chỉ là sự hội tụ của nhiều điều kiện tương thuộc. Từ nhận thức ấy, tâm chấp ngã dần được chuyển hóa, giúp con người vượt qua lối sống vị kỷ để hướng đến đời sống vị tha và giải thoát.

Thứ tư, Từ lòng hiếu kính đối với cha mẹ hiện đời, tiến đến nhận thức rằng tất cả chúng sinh trong vòng luân hồi đều từng có mối liên hệ sâu xa với nhau. Do đó, hiếu hạnh không hạn chế ở phạm vi gia đình mà được mở rộng lòng từ đến khắp chúng sinh.

Cuối cùng, Viên mãn Bồ-tát hạnh là nấc thang đại hiếu hạnh, đưa đạo lý ứng xử cá nhân chạm vào chiều sâu của tâm thức, biến tình thương hữu hạn của con người thành suối nguồn yêu thương vô biên của bậc tu học.

Như vậy, hiếu hạnh trong Phật giáo không chỉ mang ý nghĩa đạo đức mà còn chứa đựng những giá trị triết học sâu sắc. Từ hiếu hạnh, con người nhận ra đạo lý nhân sinh, thể nhập chân lý duyên khởi, chuyển hóa chấp ngã, phát triển lòng từ bi rộng lớn và viên mãn đại hiếu hạnh. Đây chính là con đường đưa người học Phật thể hiện sự tri ân đối với cha mẹ và tất cả mọi người.

Kết luận

Hiếu hạnh trong ánh sáng duyên khởi và vô ngã không chỉ hạn hẹp ở sự báo đáp công ơn cha mẹ, mà còn là quá trình chuyển hóa từ tình cảm tri ân cá nhân đến trí tuệ sâu sắc và lòng từ bi rộng lớn. Như vậy, thấy duyên khởi để biết ơn, thấy vô ngã để buông chấp, từ đó mở rộng tình thương đến muôn loài. Tinh thần này khởi đầu từ việc phụng dưỡng đấng sinh thành trong phạm vi gia đình, nhưng dưới lăng kính của giáo lý Phật giáo, sau đó hiếu hạnh được nâng tầm thành hạnh đức giá trị mang tính nhân loại. Trên nền tảng ấy, hiếu hạnh cá nhân được chuyển hóa thành tâm đại bi cứu khổ tất cả chúng sinh để viên thành hạnh nguyện Bồ-tát. Đó chính là giá trị nhân văn sâu sắc và đích thực mà đạo Phật gửi gắm qua giáo lý hiếu hạnh.

Tác giả: **Thiện Thanh** [1]

Chú thích:

[1] NCS Trần Quốc Hưng, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Chân Nguyên (chủ biên), *Từ điển Phật học*, (bản điện tử), (2001)

[2]. Thích nữ Tịnh Hiền (dịch), *Kinh Phật Thuyết Về Người Con Hiếu Thảo*, Phật Pháp ứng dụng. <https://phatphapungdung.com/phap-bao/kinh-hieu-tu-165170.html/2>.

[3]. HT. Thích Đức Thắng dịch, *Kinh Tăng Nhất A-hàm: Phẩm Lực, Kinh số 09*, (2005), tr. 2232.

[4]. TT. Thích Nhật Từ, *Từ điển Kim Cương thừa và Tây Tạng học*, Nxb. Hồng Đức, (2025), Tr.832.

[5]. HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tăng Chi Bộ: Chương hai pháp, Phẩm Tâm Thắng Bằng*, Nxb. Hồng Đức, (2020), tr.60.

- [6]. HT. Thích Đức Thắng dịch, *Kinh Tăng Nhất A-hàm: Phẩm Thiện Tri Thức, Kinh số 11*, (2005), tr.689.
- [7]. HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tương Ưng Bộ: Thiên Nhân Duyên, Tương Ưng Nhân Duyên, Phẩm Mười Lục, Kinh Mười lục*, Nxb. Hồng Đức, (2020), tr.309.
- [8]. HT. Thích Đức Thắng dịch, *Kinh Tăng Nhất A-hàm: Phẩm Sáu Trọng Pháp, Kinh số 11* (Bản điện tử), (2005), tr.2105.
- [9]. HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tương Ưng Bộ: Tương Ưng Uẩn, Phẩm Vô thường, Kinh cái gì vô thường*, Nxb. Hồng Đức, (2020), tr.527.
- [10]. HT. Thích Đức Thắng dịch, *Kinh Tạp A-hàm: Kinh số 133*, (Bản điện tử), (2012), tr. 243.
- [11]. HT. Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ-tát giới*, (Bản điện tử), (2025) tr.46.
- [12]. HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tiểu Bộ: Kinh tập, chương 1, Phẩm rắn, Kinh Từ bi*, (Bản điện tử), (2020), tr.03.
- 13]. HT. Thích Đức Thắng dịch, *Kinh Tạp A-hàm: Kinh số 133*, (Bản điện tử), (2012), tr.100.
- [14] HT. Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Nxb.Tôn Giáo, (2014), tr.594.
- [15]. Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến dịch, *Kinh Kim Cang*, Nxb.Tôn Giáo, (2006), tr.03.